

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày: 31-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm

2. Ông Nguyễn Bạch Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp, Tòa án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/HSST-QĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024.

Tại điểm cầu trung tâm gồm có: Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa, người bị hại, những người làm chứng.

Tại điểm cầu thành phần gồm có các bị cáo và cán bộ, chiến sĩ thuộc Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp:

1. Họ và tên: **Lê Gấm D**, sinh năm 1978, tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: **ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: **Lê Hoàng T**, sinh năm 1932 (đã chết); Họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1939; Có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Có 01 con sinh năm 2009; Tiền sự: Ngày 09/6/2023 Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 220/QĐ-XPVPHC ngày 09/6/2023 xử phạt với số tiền 2.500.000 đồng đối với **Lê Gấm D** về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt; Tiền án: Không; Tạm giữ ngày 27/02/2024; Tạm giam ngày 01/3/2024; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại điểm cầu thành phần).

Bị hại:

1. **Trần Văn P**, sinh năm 1971; (vắng mặt tại điểm cầu trung tâm)

Nơi cư trú: số G, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trần Văn T2, sinh năm 1979; (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

Nơi cư trú: số D, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn T3, sinh năm 1988; Nơi cư trú: số D, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt tại điểm cầu trung tâm)

Người làm chứng:

1. Phan Văn N, sinh năm 1965; (vắng mặt tại điểm cầu trung tâm)

Nơi cư trú: số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1939; (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

Nơi cư trú: số D, ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Những người tham gia tố tụng khác:

1. Nguyễn Thanh P1 - cấp bậc: Binh nhì;

2. Võ Quốc V - cấp bậc: Binh nhì;

Cán bộ, chiến sĩ thuộc Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại điểm cầu thành phần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Gấm D đã bị Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” số tiền 2.500.000 đồng theo Quyết định số 220/QĐ-XPVPHC ngày 09/6/2023, D đã đóng phạt xong, nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính mà bị cáo tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 19 giờ ngày 18/10/2023, trên đường đi bộ ngang qua nhà anh Trần Văn T2, ngụ ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, Lê Gấm D nhìn thấy 01 (một) chiếc xuồng, loại Composite, màu xanh, hiệu KGC, chiều dài 4,40 mét, rộng 0,80 mét để cập đường đi không có ai trông coi nên D dùng hai tay kéo chiếc xuồng xuống sông bơi về cát giấu sau nhà dùng để sử dụng. Sau đó anh T2 phát hiện bị mất trộm tài sản nên tố giác sự việc đến Công an xã B, qua xác minh D thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản và giao nộp tài sản đã lấy trộm. Công an xã B cho D tại ngoại để tiếp tục xác minh làm rõ vụ việc.

Vụ thứ hai: Do biết phía sau nhà ông Nguyễn Văn L tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có 01 (một) xuồng loại Composite, màu trắng, chiều dài 4,45 mét, rộng 0,85 mét (tài sản của anh Nguyễn Văn T3 nhờ anh Trần Văn P quản lý) nên vào khoảng 19 giờ ngày 01/11/2023, Lê Gấm D đi bộ đến phía sau nhà ông L, khi thấy chiếc xuồng của anh T3 không có người trông coi nên D dùng 02 tay lật ngửa chiếc xuồng và kéo xuống sông mang về nhà cất giấu sau vườn. Đến ngày 02/11/2023, anh T3 phát hiện chiếc xuồng bị lấy trộm nên tố giác sự việc đến Công an xã B. Qua xác minh D thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản và giao nộp 01 (một) xuồng loại Composite, màu trắng, chiều dài 4,45 mét, rộng 0,85 mét cho Công an xã B. Sau đó D bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã bị can, đến ngày 27/02/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện L bắt được bị cáo Lê Gấm D và áp dụng biện pháp tạm giam để điều tra hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐGTS ngày 21/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện L kết luận: 01 (một) chiếc xuồng, loại Composite, màu xanh, hiệu KGC, chiều dài 4,40 mét, rộng 0,80 mét, đã qua sử dụng trị giá 750.000 đồng; 01 (một) xuồng loại Composite, màu trắng, chiều dài 4,45 mét, rộng 0,85 mét, đã qua sử dụng trị giá 793.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho anh Trần Văn T2 01 (một) chiếc xuồng, loại Composite, màu xanh, hiệu KGC, chiều dài 4,40 mét, rộng 0,80 mét; trả lại cho người đã quản lý tài sản là anh Trần Văn P 01 (một) xuồng loại Composite, màu trắng, chiều dài 4,45 mét, rộng 0,85 mét. Anh Trần Văn T2, Trần Văn P và anh Nguyễn Văn T3 đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Lê Gấm D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của những người làm chứng, biên bản hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu, cùng các chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và các bị hại cũng không yêu cầu gì nên không xem xét.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKSLVo ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Lê Gấm D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Gấm D phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lê Gấm D mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, đề nghị xem xét theo phần Quyết định của Cáo trạng đã nêu.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận hành vi của bị cáo là sai, bị cáo rất hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy những người này đã được triệu tập hợp lệ nhưng họ vẫn vắng mặt. Trong quá trình điều tra đã có lời khai rõ ràng và sự vắng mặt của những người

này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đều khẳng định hành vi được mô tả trong bản cáo trạng số: 20/CT-VKSLVo ngày 25/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu tài sản, bị cáo **D** đã có hành vi trộm tài sản của bị hại **Trần Văn P** và **Trần Văn T2** là xuồng composite và vỏ lãi composite, tổng giá trị tài sản theo định giá là 1.543.000 đồng vào các ngày 18/10/2023 và ngày 01/11/2023.

Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tuy giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính mà bị cáo lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản nên đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo là có tội, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....

[3] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo **Lê Gấm D** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động chân chính tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động vất vả nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng giá trị tài sản theo định giá là 1.543.000 đồng. Bị cáo thừa biết việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, là có tội nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành. Do đó, cần phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản của tội danh, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và các bị hại cũng không yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Gấm D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Gấm D** 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Lê Gấm D** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT CAH L;
- Cơ quan THAHS CAH L;
- Nhà tạm giữ CAH L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- UBND xã B (biết);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Văn Nhựt Minh